

BUỐC ĐẦU TÌM HIỂU ÔNG ĐẠO NẪM TRÊN CÙ LAO GIÊNG, HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Tóm tắt: *Vốn là một nhân vật thuộc dòng “ông Đạo” Nam Bộ nổi tiếng một thời, hình tượng ông Đạo Nắm Trần Văn Thế trong một thời gian dài đã chi phối đời sống văn hóa tâm linh của cư dân vùng cù lao Giêng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Do nhiều nguyên nhân, dần dần cách nghĩ và cách hiểu của nhiều người về ông không giống nhau, đôi khi có chỗ sai lệch. Chúng tôi cho rằng, từ một danh xưng ông Đạo đại trà trở thành hiện tượng tôn giáo - tín ngưỡng cho cả một vùng đất lâu đời ắt hẳn phải có điều thâm sâu huyền diệu nào đó. Nếu không có duyên cơ và tạo dựng được thanh thế cùng với những hoạt động góp công xây dựng quê hương thì có lẽ ông Đạo Nắm không được người đời lưu ý lâu đến vậy. Chúng tôi thiết nghĩ, đây là một vấn đề cần nghiên cứu tường tận nhằm đem lại thông tin mới đáng tin cậy cho nguồn tài liệu tham khảo văn hóa - nhân vật của địa phương. Do vậy, trong bài viết này, chúng tôi đặc biệt chú trọng về tiểu sử, hành trạng và tầm ảnh hưởng của ông Đạo Nắm trong khu vực nhằm bước đầu định lập và tạo dựng cơ sở về vấn đề kết tụ và lan tỏa hình tượng của Ông ở cù lao Giêng.*

Từ khóa: *Cù lao Giêng; Ông Đạo Nắm; Trần Văn Thế; Thành Hoa Tự.*

Giới thiệu

Xét về vị trí địa lý và lịch sử hình thành, cù lao Ông Chưởng và cù lao Giêng thuộc huyện Chợ Mới đều là biểu tượng cội rễ của văn hóa vùng sông nước cù lao tỉnh An Giang, đặc biệt trên phương diện tôn

* Đại học An Giang.

Ngày nhận bài: 06/12/2018; Ngày biên tập: 31/12/2018; Ngày duyệt đăng: 15/01/2019.

giáo - tín ngưỡng, rất đáng tìm hiểu và nghiên cứu. Nếu như vùng cù lao Ông Chưởng đã từng xuất hiện dấu vết của ông đạo Kiến với một tiểu sử còn nhiều điều chưa rõ thì ở cù lao Giêng cũng góp mặt một ông đạo mà tên tuổi gắn liền với sự hình thành ngôi chùa Thành Hoa (tọa lạc tại xã Tấn Mỹ) như một chứng tích sống động khẳng định vị thế của ông trên vùng cù lao này. Đó là ông Đạo Nằm Trần Văn Thế.

1. Sơ lược về các ông đạo Nam Bộ

Dựa trên những chứng liệu lịch sử, *ông đạo* - một danh xưng đậm đặc yếu tố tôn giáo, có thể được xem là một hiện tượng văn hóa đặc thù ở Nam Bộ vào nửa sau thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX với một lớp người có các hành vi, lời nói lạ liên quan đến thế giới tâm linh theo một góc độ nhận thức riêng mà theo tác giả Phạm Bích Hợp thì khái niệm các ông đạo “là để chỉ những người có khả năng đặc biệt, như: khả năng chữa bệnh, khả năng tập hợp quần chúng, khả năng huyền linh, dẫn dắt mọi người theo một chủ thuyết nào đó. Tóm lại, là người có khả năng làm những điều mà người bình thường không làm được, và mang màu sắc thần bí”¹. Thông thường, ngoài những thông tin ít ỏi về thân thế thì hầu như hành trạng của các ông đạo đều được thêm nhiều chi tiết linh diệu tùy thuộc mức độ nổi tiếng và tầm ảnh hưởng của ông đạo đó, lan truyền phổ biến trước hết bằng hình thức truyền miệng, sau đó khi được ghi chép lại nhưng những yếu tố lạ lùng đôi lúc xếp lên hàng kỳ diệu vẫn bủa vây xung quanh cuộc đời họ. Những ông đạo khi ấy nổi lên trên lớp người nông dân bình thường với những dấu hiệu linh dị từ hình dáng, cử chỉ khác lạ, lời nói khi hư khi thực đến phương thức chữa bệnh đôi khi đơn giản đôi khi kỳ quái có pha chút ít bùa phép và dựa vào niềm tin, bái phục của người bệnh. Đó là dấu hiệu phát tích sự phản kháng nhanh chóng về mặt tâm linh trong lòng xã hội Nam Bộ thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Việc xuất hiện kịp thời của những ông đạo - vốn là những con người cụ thể vừa gần gũi vừa linh dị trong không khí ngột ngạt ở Nam Bộ thời ấy, hẳn nhiên trở thành phương tiện cứu cánh, làm chỗ dựa tâm linh, phá vỡ tâm thế bế tắc cho người nông dân cùng khổ lúc bấy giờ. Ngoài ra, những ông đạo này cũng đã góp phần tạo dựng cơ sở, tiền đề dẫn đến sự hình thành những “tôn giáo” thường được gọi là

“tôn giáo bản địa” hoặc “tôn giáo cứu thế” của vùng đất Nam Bộ từ nửa sau thế kỷ XIX.

Nếu lấy mốc thời gian xuất hiện và hoạt động của Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền (1807 - 1856), từng được gọi là ông đạo Khùng, người sáng lập ra một tôn giáo đầu tiên ở Nam Bộ tại An Giang ngày nay thì phong trào ông đạo có thể được chia thành 3 giai đoạn: (1) Giai đoạn đầu đánh dấu thời kỳ manh nha với sự xuất hiện lác đác của một số ông đạo đầu tiên ở Nam Bộ có lai lịch và hành trạng không rõ ràng, như ông đạo Kiến xuất hiện tại cù lao Ông Chưởng mà Tạ Chí Đại Trường đã có miêu tả: “Trước thời Đoàn Minh Huyền đã có dấu vết một ông đạo Kiến cất cái chồi lá (cái “cốc”) ngồi chữa bệnh cho người. Sau này, Đoàn Minh Huyền xây lại trên nền cũ hư nát thành chùa Tây An (Tây An Cổ Tự)²”. (2) Giai đoạn giữa là thời kỳ nở rộ của các ông đạo: các ông đạo xuất hiện với số lượng nhiều, có hành vi, lời nói cụ thể, rõ ràng, đặc biệt là có hoạt động chữa bệnh cứu người bằng các phương thức dân dã lạ kỳ có chêm phần bùa chú, đáng chú ý trong giai đoạn này có sự chuyển hóa vượt khỏi thân phận một ông đạo thông thường để vươn lên địa vị giáo chủ khai sáng nên các tôn giáo bản địa Nam Bộ đầu tiên ở đất An Giang. Đơn cử là hành trình khai sáng tôn giáo của Đoàn Minh Huyền, từ một ông đạo Khùng (chắc có lẽ đây là cách gọi khi ông bắt đầu chữa bệnh cứu người bằng cách thức kỳ dị, nói năng khác lạ, chưa ai hiểu và nhận ra giá trị) lang thang chữa bệnh thuyết pháp khắp nơi cho đến khi sáng lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tại Thất Sơn mới có một danh xưng chính thống mới là Đức Phật Thầy Tây An. Cách gọi xưa cũ là ông đạo Khùng cũng theo lẽ đó mà biến mất. Tiếp sau xuất hiện hàng loạt các ông đạo nổi tiếng khác ở toàn cõi Thất Sơn - phần lớn là đệ tử của Đức Phật Thầy như đạo Xuyên, đạo Lập, đạo Sĩ³, có trường hợp hậu kiếp của ông cũng là một ông đạo như Đạo Đền, tức Phật Trùm Tà Paul). Trường hợp Huỳnh Phú Sổ cũng đáng để nhắc tới. Từ địa vị một ông đạo Diên, ông đã khai sáng tôn giáo cuối cùng ở An Giang với số lượng tín đồ đông đảo, hoạt động sôi nổi và chiếm ưu thế toàn vùng thời bấy giờ và trở thành Đức Huỳnh Giáo chủ được đông đảo tín đồ trọng vọng. (3) Giai đoạn

cuối ghi nhận sự xuất hiện rời rạc của các ông đạo với tính cách, hành vi và phương pháp hành đạo riêng lẻ, thường định cư và nổi danh ở một khu vực nhỏ, những ông đạo thuộc giai đoạn này ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng từ hành trạng, giáo lý của những ông đạo “tôn giáo” đi trước, tuy nhiên có điều khác biệt là họ không còn chữa bệnh cứu người, cũng không khởi xướng thêm một tôn giáo nào khác, đồng thời giai đoạn này bắt đầu đánh dấu sự suy giảm và biến mất của “hiện tượng các ông đạo” Nam Bộ.

Có một điều trùng hợp là hầu hết các ông đạo đều “thích” chu du, tìm đến những vùng rừng núi hoang tịch, những vùng cù lao để tầm đạo, tu học và truyền bá tư tưởng, trong số đó thì khu vực An Giang vốn được mệnh danh là vùng đất bán sơn địa với một bên là dãy Thất Sơn huyền bí và một bên là những cù lao, như: cù lao Ông Chưởng, cù lao Giêng,... nên trở thành nơi lý tưởng để lưu dấu hoạt động của các ông đạo. Điển hình là từ giai đoạn đầu đã có ông đạo Kiến, tiếp sau là Phật Thầy Tây An đến cù lao Ông Chưởng cho đến giai đoạn cuối là ông đạo Chim và Ông đạo Nằm đến cù lao Giêng,... trong số đó, ông đạo Nằm được xem là nhân vật có ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc đến đời sống văn hóa tâm linh của cư dân cù lao Giêng từ nửa sau thế kỷ trước cho đến nay.

2. Ông Đạo Nằm

2.1. Sơ lược về cuộc đời

Ông đạo Nằm tên thật là Trần Văn Thế, sinh năm 1904 tại làng Hòa An, Cao Lãnh, Đồng Tháp trong một gia đình nông dân nhưng chịu ảnh hưởng của tinh thần Nho giáo. Chưa rõ danh tính ông bà thân sinh, chỉ biết ông có một người cậu ruột sớm sang cù lao Giêng tu học tại chùa Phước Thiện (nay là chùa Phước Thành, xã Bình Phước Xuân) và trở thành ông đạo Chim nổi danh khi ấy vì khả năng nghe được tiếng chim nói. Sau một khoảng thời gian sinh trưởng tại quê nhà, ông Trần Văn Thế cảm thấy đã thấu hiểu được đạo tu hành nên rời quê hương đến cù lao Giêng và xuất gia tại ngôi chùa mà người cậu đã tu trước đó. Tại đây, ông nhanh chóng lĩnh ngộ đạo học và rời chùa tiếp tục đi tầm đạo ở vùng núi non nào đó không rõ⁴. Sau một thời gian, ông trở về quê nhà, khi đi ngang chùa Tân Long (Đồng

Tháp), nghe đồn trụ trì của chùa là một vị cao tăng nên ông quyết định nhập tục thính giáo. Vị cao tăng đó chính là sư tổ Từ Vân, ngài là người đã đặt pháp danh cho ông là Tịnh Nghiêm. Trong một lần thuyết pháp, trụ trì Từ Vân ngầm ra hiệu cho Tịnh Nghiêm gấp riêng mình để dạy pháp, vốn có căn cơ nên ông nhanh chóng ngộ ra thâm ý. Khi đến gặp thầy, trụ trì Từ Vân đã truyền lại cho ông một phương thức tu hành và thiền ngộ chân lý đặc biệt, đó là phép tu “ngọa thiền”. Khi nhận thấy ông đã thấu đạt chân lý nằm thiền, trụ trì Từ Vân dặn dò ông nên trở về chùa Phước Thiền để thực thi chân lý và sau khi đắc đạo thì thuyết pháp cho chúng sinh. Ông vâng lời trở về chùa cũ, vốn biết rõ đây là một cách thức tu tập đòi hỏi sự tập trung và quyết tâm cao độ nên trước khi chính thức nhập thiền, ông quyết định tích lũy công đức để bù đắp những tháng năm nằm thiền sau này. Được sự đồng ý của vị trụ trì chùa Phước Thiền, ông bắt tay ngay vào việc phát thảo, đốn củi dự trữ cho chùa, hơn nữa, khi thấy con đường từ bờ sông vào chùa thấp trũng, lầy lội nên ông quyết định đắp sửa con đường này để khai thông cửa ngõ vào chùa cho tín đồ, Phật tử. Hàng ngày, ông lẳng lặng, cật lực đắp đất trải lên con đường đó, khi nền đất đã cao ráo, ông tiếp tục trang lại cho bằng phẳng, cuối cùng thì con đường dài 300m đã hoàn thành. Khi thấy mọi việc đã xong, ông chính thức nhập thiền và thực hành đúng y pháp, không làm bất kỳ việc gì khác. Tư thế nằm của ông lúc thiền định đều theo một phương thức: nằm nghiêng, đầu hướng phía Bắc, chân duỗi thẳng phía Nam, mặt quay về Đông và lưng hướng về Tây. Mỗi ngày ông có một khoảng thời gian cố định để xuống giường ăn cơm và vệ sinh, không lần nào sai y pháp. Cách thiền định lạ đời chưa từng thấy làm dậy lên trong lòng các đệ tử tu tại chùa nhiều suy nghĩ phiến diện, thậm chí có người còn cố suy diễn lệch lạc, cho rằng ông lười biếng, quy chụp ông tu giả, nhằm trốn tránh việc đời, việc chùa. Từ suy nghĩ chủ quan dẫn tới việc thêu dệt câu chuyện theo hướng tiêu cực rồi báo về quê nhà, thân sinh ông nghe vậy vội vã chèo ghe qua cù lao xin phép vị trụ trì được rước ông về để khỏi làm phiền đến mọi người. Quá tam ba bận, đến lần thứ ba thì ông đi thẳng xuống ghe và tiếp tục nằm thiền. Ông thân bà mẫu lập tức chở ông về quê nhà, sau đó nhờ người trong xóm dựng một cái cốc gần

bờ sông để ông có chỗ yên tâm tu hành, hàng ngày sai người em đứng giờ đem cơm cho dùng, ông dùng xong lại nằm y cũ, không hề cử động. Mặc dù vậy nhưng ông đều biết giờ giấc và thực hành đúng y pháp. Người dân trong vùng khi biết chuyện đều rất tò mò muốn biết thực hư, trong số họ có nhiều người nghĩ cách bày trò này nọ. Ví dụ, hôm thì đặt điều xì gà đang cháy lên lòng bàn tay ông, bữa thì lấy kim chích vào các ngón tay ông, lúc thì lấy ổ kiến vàng để lên mình ông, thậm chí còn có cách nhẩn tâm hơn là tưới dầu lên hai chân ông mà đốt,... Tuy nhiên, mặc dù da thịt bị tổn thương, ông vẫn nằm im bất động. Đặc biệt hơn là chuyện có người nghe nói lúc ông bước xuống giường để dùng cơm thì ngày nào cũng bước theo y một dấu gót, không xê dịch bao giờ nên cố tình thử ông bằng cách lén chôn dưới đường đi một tấm áo nhang hình Phật rồi kiểm chỗ rình xem sự việc tiếp theo. Khi ông bước xuống và đi dùng cơm như thường lệ, đến chỗ có giấu hình Phật thì ông dừng lại, không bước tiếp mà cũng không đi lối khác bởi vì nếu bước tiếp thì ông sẽ dẫm lên hình Phật, còn nếu bước qua chỗ khác thì sẽ không theo y pháp nên ông cứ đứng như vậy. Mọi người lúc ấy mới vỡ lẽ và hết sức cảm phục nên lập tức lấy áo nhang đem cất đi, lúc đó ông mới tiếp tục thi hành y pháp. Từ đó, không ai còn dám thử thách ông nữa. Sau chín năm “ngọa thiền”, ông đắc đạo và ngồi dậy, đi đứng bình thường, bắt đầu thu nhận đệ tử và truyền pháp. Đệ tử và tín đồ theo ông khi ấy lên đến hàng trăm người, tăng ni đều có. Do cách tu tập lạ kỳ nên dân gian gọi ông là ông đạo Năm.

Ông Đạo Năm thọ nạn và mất năm 1954 vào ngày rằm tháng 2 (năm Giáp Ngọ), hưởng dương 51 tuổi.

2.2. Chủ thuyết, khả năng tiên tri và những giai thoại

Tương truyền những lời thuyết giảng cũng như tiểu sử của ông Đạo Năm đều được chúng đệ tử ghi chép lại, cô đọng trong hai bộ kinh là Long Hoa Kinh và Bạch Ngọc Kinh. Sau khi các quyển kinh hoàn thành, chúng đệ tử bẩm với ông xem cho truyền ra ngoài để bá tánh tu học hay không, ông bảo “để y”, tức nghĩa là không cho truyền ra ngoài. Do tính chất riêng tư và tôn trọng di nguyện nên mặc dù pháp thuyết của ông được chúng đệ tử ghi chép thành bản, nhưng chúng tôi

khảo cứu và biết được rằng Bạch Ngọc Kinh ghi lại những lời nói của ông về những điều thiên cơ còn Long Hoa Kinh ghi giảng cho chúng đệ tử hơn 689 giới luật. Ngoài ra, ông còn chỉ dạy cho người đời cách tu hành để giải thoát, tránh phải chịu kiếp luân hồi. Mặc dù ông cũng như những ông đạo khác chịu ảnh hưởng sâu sắc từ giáo lý Phật giáo nhưng vẫn có những thiên kiến và biến đổi cho phù hợp với thời đại. Về phương diện Long Hoa Kinh, có thể ông đã tiếp thu nhuần nhuyễn từ giáo lý của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương cùng với Phật giáo Hòa Hảo lúc bấy giờ.

Một trong những đặc điểm để nhận dạng các ông đạo là khả năng tiên tri, biết thiên cơ. Ông Đạo Nằm cũng không nằm ngoài quy luật ấy, không thấy người ta miêu tả ông có ngoại hình khác thường hay lời nói xằng bậy, hoặc vung tay chữa bệnh cứu người. Ông là một người bình thường, ngoại hình như những vị sư khác. Theo tranh, ảnh thờ thì ông mặc áo vàng, ngồi nghiêm trang. Ông nổi danh khắp vùng cù lao Giêng vì những câu nói thiên cơ lúc sinh thời và cả sự linh ứng sau khi mất.

Sau khi ông Đạo Nằm khai khẩu thì bắt đầu lập chùa, ngôi chùa đầu tiên là Minh Bửu, lần lượt là Vân Lôi, Thiên Đà ở Cao Lãnh và cuối cùng là chùa Thành Hoa ở cù lao Giêng. Trong 4 ngôi chùa này thì việc dựng chùa Thành Hoa có nhiều yếu tố ly kỳ, chứa đựng những câu nói thiên cơ của ông. Sự việc diễn ra vào khoảng năm 1950 - 1951, khi đó ở cù lao Giêng có một người nông dân - thường được mọi người trong vùng gọi là ông Hai, vốn có lòng hướng Phật, nghe danh ông Đạo Nằm từng tu tập và nổi danh ở chùa Phước Thiện nên tìm đến để thăm viếng, đàm đạo. Sau khi gặp mặt, ông Hai nhận ra đây là một vị cao tăng nên quyết định hiến đất cúng dường. Ông chọn mảnh đất rộng đầu cồn, đất đai màu mỡ cúng dường nhưng ông Đạo Nằm không nhận mà nói: “Đức Ngọc Đế chưa định, ông Hai có lòng cúng dường, coi miếng đất khác”. Khi ấy, không ai hiểu ý của ông, đặc biệt là chúng đệ tử rất lấy làm phân vân vì họ nhận thấy đó là mảnh đất tốt, rất thích hợp để dựng chùa và thuận lợi cho hoạt động trồng trọt phục vụ sinh hoạt sau này. Ông Hai sau khi nghe vậy liền suy nghĩ “mình có ba mảnh đất, mảnh tốt nhất mà thầy không

nhận, còn một miếng đất ở dưới nhà gần nhà dân nên e không thanh tịnh, còn lại mảnh đất hoang sơ, nằm ở trong đồng hoang, kênh rạch không lưu thông, cũng chưa có đường đi đàng hoàng mà chỉ là đường mòn của dấu bò thả, chúng đệ tử theo thầy khá đông nên có thể sau này gây khó khăn trong sinh hoạt”. Ông Hai dẫn đo hồi lâu rồi nói với thầy là sẽ cúng dường mảnh đất trong đồng. Ông Đạo Nằm mặc dù chưa thấy mảnh đất này, đã nói: “Đức Ngọc Đế đã định”. Sau đó, ông dặn dò chúng đệ tử về việc xây chùa: từ ngoài đường lớn tới đất này bao nhiêu thước để làm đường dẫn vào chùa; từ con đường dẫn vào bao nhiêu làm hậu tổ; từ hậu tổ cách bao nhiêu thước làm chính điện,... đều rõ ràng. Khi chúng đệ tử tiến hành đo đạc xong thì nhận thấy rằng hậu tổ và chính điện đều kỳ diệu nằm gọn trên 2 gò đất lớn, chỉ cần lẩn ra một chút là vướng rãnh trũng thấp. Tăng chúng vì đó càng tin tưởng vào đức hạnh và khả năng tiên tri của ông Đạo Nằm nhiều hơn nữa. Chùa được khởi công xây dựng năm 1952, tới năm 1953 thì hoàn thành, đó là chùa Thành Hoa bây giờ. Ngày trước mọi công việc đều hoàn toàn bằng tay nhưng tăng chúng đều rất thành tâm, tranh nhau làm công quả, tạo phúc đức, mọi người đều phấn khởi. Chùa xây xong được một năm thì ông Đạo Nằm tịch. Các đệ tử đều theo ý nguyện của ông chấn hưng, trùng tu ngôi chùa dần dần, cho đến ngày nay, chùa Thành Hoa đã trở thành một trong những trung tâm tôn giáo lớn mang đậm dấu ấn của ông Đạo Nằm ở cù lao Giêng. Ngày vía của ông cũng là ngày lễ lớn và long trọng nhất của chùa và của cả khu vực cù lao Giêng, thu hút hàng ngàn tín đồ ở khắp nơi về chiêm bái. Trở lại câu chuyện tiên tri kể trên về mảnh đất thứ nhất được cúng dường, quả thật thời gian sau đó, mảnh đất đầu cồn này bị nước sông xô đẩy và lở đến mức chỉ trong một thời gian ngắn, toàn bộ mảnh đất đó không còn lại vết tích gì cả, ứng nghiệm như lời ông đã nói “Đức Ngọc Đế chưa định”. Đó là chuyện khi ông còn tại thế.

Sau khi mất, sự linh ứng của ông Đạo Nằm vẫn không giảm. Theo câu chuyện do Phó trụ trì Thích Phước Trí kể lại vì thầy là người chứng kiến thì thông thường, pháp danh sẽ do sư phụ đặt cho đệ tử, nhưng từ khi ông Đạo Nằm tịch, chùa có thông lệ không đặt pháp

danh cho đệ tử nữa, thay vào đó, người đệ tử đó tự bốc thăm pháp danh của mình trước sự độ hóa của ông. Hàng trăm phiếu tên sẽ được để trong một cái chuông to đặt trước bàn thờ tổ, sau khi khấn vái, mỗi Phật tử sẽ bốc một thăm tên cho mình. Hầu hết pháp danh của người nào đều ứng với tính tình, cốt cách của người đó. Một lần, có một Phật tử quên bốc pháp danh cho mình, đến khi mọi người đã về hết thì người đó mới nhận ra mình chưa có pháp danh, vị trụ trì bảo cho bốc lại, sau khi khấn vái trước bàn thờ tổ, người đó bốc được thăm có đề hai chữ “Diệu Thêm”. Rất rõ ràng! Sư tổ đã biết trước điều này, nên cho người đó bốc trúng thăm “Thêm” vì trước đó không bốc nên “thiếu”.

Khác với một số ông đạo thời trước hay có kiểu “chữa bệnh cứu người” bằng những phương cách kỳ lạ, ông Đạo Năm chỉ chú trọng đến thuyết pháp giảng tu, tuy nhiên có một số trường hợp ông trị cho những đứa con nít khóc đêm bằng cách xoa tay lên trán và nói “Mát mẻ nè”. Vậy mà y như rằng từ đó về sau, đứa bé ấy không bao giờ khóc đêm nữa.

3. Một số nhận định

Ông Đạo Năm mặc dù được xếp vào những ông đạo Nam Bộ nhưng do xuất hiện vào giai đoạn cuối nên hành trạng và chủ thuyết có một số điều khác biệt. Sự khác biệt này phần nhiều do hoàn cảnh xã hội đương thời, còn lại do tự bản thân ông có sự đúc kết phù hợp với tâm thức của cư dân vùng đất cù lao Giồng lúc bấy giờ.

Nếu như ở giai đoạn trước, hầu như các ông đạo đều nổi danh vì chữa bệnh cứu người bằng phương cách dân dã kỳ diệu nhưng hiệu nghiệm lạ lùng thì ông Đạo Năm không hề thực thi được pháp. Điều này cũng dễ hiểu, *thứ nhất*, vào giai đoạn này các nạn dịch ở Nam Bộ đã không còn hoành hành nhiều như trước nên nhu cầu chữa bệnh của người dân giảm mạnh; *thứ hai* là trong giai đoạn này xã hội Nam Bộ đã có những bước chuyển biến mới, bản thân ông chắc chắn nhận ra rằng cách chữa bệnh lúc trước không thể mang lại hiệu quả vì nhận thức của người nông dân về bệnh tật đã tiến bộ đáng kể. Thực tế, trong số thành phần ông đạo về sau cùng thời với ông có người còn là trí sĩ Tây học như ông Đạo Dừa nổi danh ở Cồn Phụng (Tiền Giang) đã

từng qua Pháp du học. Mặc dù ông Đạo Nằm xuất thân là nông dân nhưng cũng hòa nhập thời thế, không ăn mặc lạ đời, không để đầu tóc quái lạ, ngoại hình trông bình thường, giản dị. Hơn thế, ông còn mang giày Tây (bằng gỗ và bằng da hiện còn được nhà chùa lưu giữ cẩn thận); sử dụng ô-tô để giao lưu với các chùa khác, hàng năm, chiếc xe này được bảo trì và diễu hành trong khuôn viên chùa vào ngày lễ giỗ của ông (rằm và 16 tháng Hai (Âm lịch)). Dù không chữa bệnh cứu người, ngoại hình cũng không quái lạ như những ông đạo thời kỳ trước nhưng ông Đạo Nằm vẫn có 2 trong số những đặc trưng cốt lõi của hiện tượng “ông đạo” là nói thiên cơ cùng phương thức tu hành kỳ lạ (nằm thiền suốt 9 năm theo y pháp). Như chúng tôi tìm hiểu và trình bày ở trên, những lời nói thiên cơ của ông được ghi lại trong quyển Bạch Ngọc Kinh - được xem là quyển kinh sấm thể hiện khả năng tiên tri của ông về hậu thế.

Giai đoạn ông Đạo Nằm bắt đầu khai khẩu thu nhận tín đồ cũng là thời điểm các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ đã định hình và có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội, đáng kể nhất là 3 tôn giáo được ra đời lần lượt tại An Giang là Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo. Các tín đồ đương thời trong khu vực hoặc theo tôn giáo này hoặc theo tôn giáo khác (xét trong phạm vi tín đồ của các tôn giáo nội sinh). Điều quan trọng là các tôn giáo này hình thành giáo lý và có tổ chức ổn định, bài bản với lượng tín đồ đã gần như bão hòa nên các ông đạo sau này không hội đủ điều kiện để khai lập một tôn giáo mới. Tuy vậy, ông Đạo Nằm vẫn đưa ra một chủ thuyết mang dấu ấn riêng của mình, do ngoại bất truyền nên chúng tôi chưa rõ giáo lý, tông chỉ, pháp môn của ông có gì đặc biệt hay không nhưng chắc chắn ông có cơ hội kế thừa tinh hoa từ giáo lý của các tôn giáo trước. Có lẽ ông đạo Nằm không chủ ý nghiêng theo một tôn giáo nội sinh nào, nhưng chắc chắn ông đã chịu ảnh hưởng từ giáo lý của những tôn giáo nội sinh trước đó. Bằng chứng là khi ông còn tại thế, ông ấn định cách tu tập cho đệ tử không gõ mõ tụng kinh; cũng chỉ định đặt một bàn thờ vô vi (tức là có bàn hương án nhưng không có cốt Phật) và một bàn thờ Long Hoa tại chính điện của chùa Thành Hoa - điều này gợi ra khả năng ông có thuyết giảng

về hội Long Hoa (vốn đã được các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo đề cập trong giáo lý). Ngoài ra, ông còn kết hợp nhuần nhuyễn giữa triết lý Phật giáo với trải nghiệm và ý chí bản thân để hình thành nội dung truyền giảng riêng biệt. Theo kinh luật Phật giáo, Phật tổ đưa ra 250 giới Tỳ kheo, nhưng khi truyền dạy cho đệ tử, ông Đạo Nằm giảng đến 689 giới luật. Điều này cho thấy việc kế thừa và phát huy theo đường lối riêng là hai yếu tố quan trọng trong cuộc đời truyền giảng đạo pháp của ông Đạo Nằm.

Khi xét đến sinh quán và quá trình hoạt động của ông Đạo Nằm và Đức Phật Thầy, chúng tôi nhận thấy có vài sự trùng hợp: Đạo Nằm Trần Văn Thế và Đức Phật Thầy Đoàn Minh Huyền cùng quê quán ở Đồng Tháp; hai người cũng từ quê hương đi đến các vùng cù lao: Đoàn Minh Huyền đến cù lao Ông Chưởng, Trần Văn Thế lại gắn bó với cù lao Giêng. Một điều đáng ghi nhận là dường như ông Đạo Nằm có mối duyên mật thiết với vùng đất cù lao này. Đó là nơi ông tu học lúc còn trẻ, nơi ông truyền đạo và dốc công xây dựng chùa Thành Hoa, đồng thời đây cũng là nơi an nghỉ cuối cùng của ông. Có lẽ một phần vì vị trí của cù lao Giêng thuận lợi, gần với quê hương của ông, một phần vì đây vốn là vùng cù lao còn khá hoang sơn, cách xa đất liền và sự quan tâm của chính quyền đương thời nên là điều kiện lý tưởng để ông học tập tu đạo và truyền pháp.

Kết luận

Mỗi một ông đạo tùy thuộc vào thiên tính, bối cảnh thời đại và địa bàn hoạt động mà có cách riêng giải quyết nhu cầu tôn giáo cho nhân sinh của thời đại đó và để lại những giá trị riêng. Cho đến sau này mà vẫn còn nhiều người quan tâm và cố gắng phát huy, tìm hiểu để gìn giữ cái tinh hoa cốt lõi trong chủ thuyết của những ông đạo thì cái giá trị ấy càng đáng trân trọng. Cù lao Giêng nếu được đặt xét trong một không gian lịch sử nhất định thì có thể xem là vùng đất chứa đựng và bảo lưu dấu ấn của các ông đạo xưa cũ rõ ràng nhất mà tiêu biểu và nổi bật là ông Đạo Nằm gắn liền với thiết chế thờ tự độc đáo - chùa Thành Hoa. Có thể nói việc tìm hiểu về thân thế và tầm ảnh hưởng của một ông đạo thuộc thế kỷ trước bằng tư liệu truyền miệng - là một trong những cách thức phổ biến và chủ yếu hình thành nguồn tài liệu

tham khảo dân gian - cũng là một cách thức góp vào nguồn tư liệu địa phương, làm giàu cho văn hóa dân tộc. Tâm tình, tính cách, nếp sống của cư dân cù lao Giêng đã được miêu tả trong thời đại của ông Đạo Nằm góp phần liên kết, khẳng định sự tồn tại độc lập của một dòng tôn giáo Nam Bộ nổi tiếng một thời./.

CHÚ THÍCH:

1. Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 84-85.
2. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 307.
3. Tạ Chí Đại Trường, Sdd, tr. 307.
4. Người kể là thầy Thích Phước Trí - Phó trụ trì của chùa Thành Hoa. Thầy không giải thích rõ trong khoảng thời gian này ông Trần Văn Thế đã đi đến vùng núi non nào và làm gì, trong bao lâu, nhưng chúng tôi suy đoán, đó có thể là vùng Thất Sơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (2010), “Người Việt Nam Bộ nhìn từ góc độ tôn giáo”, *Văn hóa Nghệ thuật*, số 311, tháng 5.
2. Nguyễn Văn Hào (2000), *Nửa tháng trong miền Thất Sơn*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Văn Hào (phiên âm, viết tựa), Nguyễn Hữu Hiệp (sưu tầm, chú thích) (1974), *Bửu Sơn Kỳ Hương, Tiền giảng Đức Phật thầy Tây An*, Diễm Chi xuất bản, Châu Đốc.
4. Nguyễn Hữu Hiệp (2007), *An Giang, đặc trưng vùng đất bán sơn địa*, Nxb. Phương Đông, An Giang.
5. Nguyễn Trung Hiếu (2015), *Hiện tượng các ông đạo ở vùng Tây Nam Bộ dưới góc nhìn văn hóa*, Luận văn Thạc sĩ ngành Văn hóa học trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
6. Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Thiên Lý (2013), “Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương trong không gian văn hóa vùng Tây Nam Bộ”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: *Nhân vật lịch sử Đoàn Minh Huyền (1807-1856)*, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh An Giang xuất bản, tr. 261-271.
8. Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần Người và Đất Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
10. Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang (2013), *Địa chí An Giang*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy An Giang xuất bản.

Abstract**ÔNG ĐẠO NĂM SYMBOL IN GIÊNG ISLET, CHỢ MỚI
DISTRICT, AN GIANG PROVINCE: THE FIRST STUDY****Le Thu Van***An Giang University*

Being a character who is belong to famous Southern of “Ông Đạo” system, symbol of Mr. Dao Nam (Lying Master) Tran Van The has affected to spiritual culture of Gieng islet’s people in An Giang provide for a long time. For many reasons, gradually the way of thinking and understanding of many people about him is not the same, sometimes with the wrong thought. In our opinion, there is a miracle thing hidden in process that Ong Dao becoming to a religious symbol of the old land. If there were not grace, reputation and merit to Gieng islet, Ong Dao Nam would not be respected as he used to be. It is necessary to study deeply about the issue to provide new information for local culture life. Therefore, in this paper, we must focus about the biography, missions and effects of Ong Dao Nam carefully to shape some premiss about the convergence and diffusion of Ong Dao Nam Tran Van The in Gieng islet.

Keywords: Gieng islet; Ong Dao Nam; Tran Van The; Thanh Hoa pagoda.